TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2021/HS-ST
Ngày: 22-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Tiết;

2. Ông Nguyễn Văn Xem

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Thạch Thị T, sinh năm 1989 tại Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp Đồng Khoen, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Thạch K, sinh năm 1963 và bà Thạch Thị Sa Mây, sinh năm 1966; Chồng: Thạch Hạnh, sinh năm 1988; Con có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22 tháng 4 năm 2021 đến nay (bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị T: Bà Trần Thị Hợp là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

Người bị hại: Thạch K, sinh năm 1963

Trú tại: ấp Đ K, xã P P, huyện C K, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch K: Bà Kim Thị Mỹ H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch: Ông Thạch A - Cán bộ hưu trí

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/02/2021, gia đình bị cáo Thạch Thị T có tổ chức buổi tiệc và mời các sư ở chùa đến nhà để đọc kinh cầu an. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo T đi qua nhà cha ruột là ông Thạch K (gần bên nhà bị cáo) để nhờ em ruột tên Thạch T đi rước các sư về nhà đọc kinh nhưng T không có nhà. Lúc này, bị cáo T nhìn thấy ông K đứng ở cửa nhà trước đang đổi tiền với chị ruột của bị cáo tên Thạch Thị T. Khi đổi tiền xong ông K để tiền vào ví da màu đen rồi đem ví da bỏ vào trong một cái vali để trong tủ quần áo ở nhà trước. Thấy vậy, bị cáo T không nói gì mà đi trở về nhà bị cáo để chuẩn bị cho các sư đến nhà đọc kinh. Khoảng 19 giờ, các sư đến nhà bị cáo T đọc kinh thì ông K và T cũng qua nhà bị cáo để ngồi nghe. Đến khoảng 20 giờ, các sư đọc kinh xong ra về, ông K cùng những người khác ở lại ngồi ăn và uống rượu với nhau ở trước nhà. Bị cáo T biết được bên nhà ông K không có người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông K. Bị cáo T lén lút đi bằng cửa sau để qua nhà ông K rồi đi đến vị trí ông K để tiền mà bị cáo đã nhìn thấy trước đó. Bị cáo T mở tủ quần áo (tủ không có khóa*)* dùng tay kéo dây khóa vali ra, lấy ví da màu đen đựng tiền để bên trong vali và đi về nhà bị cáo theo đường cũ. Bị cáo đem ví da cất giấu vào bên trong túi quần của bị cáo đang treo ở sau nhà, rồi bị cáo T đi vào bên trong nhà ngồi ăn chung với mọi người. Khoảng 22 giờ ông K và mọi người đi về, bị cáo T đi đến chỗ cất giấu ví tiền lấy đem vào nhà kiểm tra xác định số tiền đã lấy trộm được là 23.400.000 đồng *(hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)* gồm các tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng, bị cáo T để số tiền này dưới gối nằm ngủ. Đến khoảng 05 giờ ngày 13/02/2021, ông Thạch K kiểm tra phát hiện số tiền bị mất nên kêu bị cáo T qua nhà tìm kiếm phụ với ông K thì bị cáo giả vờ qua nhà phụ tìm kiếm nhưng không gặp và bị cáo T trình báo sự việc cho Công an xã Phong Phú. Bị cáo lấy 2.200.000 đồng tiền trộm được tiêu xài cá nhân. Nhận được tin báo, lực lượng Công an đến hiện trường xác minh vụ việc, bị cáo T sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên bù lại số tiền 2.200.000 đồng đã tiêu xài cho đủ số tiền là 23.400.000 đồng trộm cắp được và đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo thấy nhà ông K không có người, bị cáo đem ví da bên trong có số tiền 23.400.000đ đi qua nhà ông K để vào vị trí cũ rồi đi tìm ông K nói với ông K là ví tiền không có bị mất và trình báo Công an xã Phong Phú đến lập biên bản tạm giữ số tiền trên. Qua xác minh thấy bị cáo Thạch Thị T là đối tượng nghi vấn, Công an xã Phong Phú mời làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Giá trị tài sản bị thiệt hại là 23.400.000 đồng *(hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)* đủ định lượng cấu thành tội phạm *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy hành vi của bị cáo Thạch Thị T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm*"Trộm cắp tài sản"* quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 22/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết

định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Thạch Thị T để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại Thạch K đã nhận lại số tiền 23.400.000đ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn yêu cầu miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS-HS ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch Thị T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Thạch Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo Thạch Thị T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã Phong Phú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thạch Thị T: Tại phiên tòa, người bào chữa cũng thống nhất với nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Thạch Thị T và bản luận tội của vị đại diện Viển kiểm sát. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, bị cáo còn nuôi 03 con nhỏ, trong đó có 01 con nhỏ bị bệnh tim bẩm sinh phải chạy chữa thuốc men hàng tháng, bị hại là cha bị cáo xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc lại có trình độ học vấn thấp, do đó vị trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vị trợ giúp viên pháp lý hoàn toàn thống nhất với mức hình phạt mà Vị Kiểm sát viên đề nghị là từ 12 tháng 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Ý kiến của vị trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch K : vị trợ giúp viên pháp lý thống nhất với quan điểm luận tội của vị Kiểm sát viên về tội danh. Vị trợ giúp viên pháp lý yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời có xem xét đến giữa bị cáo và bị hại là cha con ruột thịt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: phía bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Thạch Thị T thống nhất với ý kiến bào chữa của Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo Thạch Thị T nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; Phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 20 giờ, ngày 12/02/2021, bị cáo Thạch Thị T đã có hành vi lén lút vào nhà ông Thạch K trộm cắp số tiền là 23.400.000 đồng *(hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)* đem về nhà bị cáo cất giấu dưới gối nằm ngủ, và sau đó lấy tiền trộm cắp, tiêu xài cá nhân hết 2.200.000đồng. Hành vi trên của Thạch Thị T đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Thạch Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nên các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, bị cáo phải nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[3] Song, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, bị cáo Thạch Thị T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn phải nuôi ba con nhỏ, có 01 bé nhỏ bị bệnh tim bẩm sinh, bị cáo lại là người dân tộc lại có trình độ học vấn thấp. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 , khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc phạt bị cáo cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Thạch Thị T cải tạo không giam giữ; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục là thỏa đáng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Do bị cáo Thạch Thị T không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Số tiền 23.400.000 đồng, Công an xã Phong Phú đã trao trả cho ông Thạch K là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thạch Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Chấp nhận ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại của Vị Trợ giúp viên pháp lý.

[8] Bị cáo; Bị hại; được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Thạch Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Thạch Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Thạch Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Thạch Thị T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Thạch Thị T.

Về án phí: Buộc bị cáo Thạch Thị T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã Phong Phú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh